THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2013/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về trách nhiệm, quyền lợi, hoạt động thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm thải bỏ là sản phẩm đã hết thời hạn sử dụng hoặc sản phẩm được thải ra sau quá trình sử dụng.

2. Thu hồi sản phẩm thải bỏ là việc doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu thu lại sản phẩm đã hết thời hạn sử dụng hoặc sản phẩm được thải ra sau quá trình sử dụng.

3. Xử lý sản phẩm thải bỏ là quá trình tái sử dụng, tái chế, tiêu hủy sản phẩm đã hết thời hạn sử dụng hoặc sản phẩm được thải ra sau quá trình sử dụng.

4. Điểm thu hồi là nơi tiếp nhận sản phẩm thải bỏ phù hợp quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Cơ sở thu gom và xử lý sản phẩm thải bỏ là doanh nghiệp được hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Danh mục sản phẩm thải bỏ, thời điểm thu hồi và xử lý

Danh mục sản phẩm thải bỏ, thời điểm thu hồi và xử lý được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương II
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU, NGƯỜI TIÊU DÙNG, CƠ SỞ PHÂN PHỐI, CƠ SỞ THU GOM VÀ XỬ LÝ SẢN PHẨM THẢI BỎ

Điều 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu

1. Thiết lập các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ.

2. Tiếp nhận sản phẩm thải bỏ do doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu đã bán sản phẩm đó ra thị trường Việt Nam.

3. Thỏa thuận với người tiêu dùng về cách thức chuyển giao và tiếp nhận sản phẩm thải bỏ tại điểm thu hồi.

4. Vận chuyển sản phẩm thải bỏ từ các điểm thu hồi đến cơ sở xử lý.

5. Xử lý sản phẩm thải bỏ.

6. Thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường về các điểm thu hồi và cơ sở xử lý sản phẩm thải bỏ.

7. Công khai thông tin có liên quan đến điểm thu hồi và cơ sở xử lý sản phẩm thải bỏ trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.

8. Hàng năm, báo cáo lượng sản phẩm được sản xuất hoặc nhập khẩu đã bán ra thị trường Việt Nam; kết quả thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm của người tiêu dùng, cơ sở phân phối, cơ sở thu gom và xử lý sản phẩm thải bỏ

1. Người tiêu dùng có trách nhiệm chuyển giao sản phẩm thải bỏ tại điểm thu hồi.

2. Cơ sở phân phối có trách nhiệm tham gia thu hồi sản phẩm thải bỏ.

3. Cơ sở thu gom và xử lý sản phẩm thải bỏ thực hiện hợp đồng với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu để thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 6. Quyền lợi của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, người tiêu dùng, cơ sở thu gom và xử lý sản phẩm thải bỏ

1. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, người tiêu dùng, cơ sở thu gom và xử lý sản phẩm thải bỏ được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu thiết lập điểm thu hồi để tiếp nhận sản phẩm thải bỏ là chất thải nguy hại thì được miễn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

3. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu trực tiếp thu hồi và vận chuyển sản phẩm thải bỏ là chất thải nguy hại thì được miễn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại, nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm thải bỏ được ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Có báo cáo về việc trực tiếp thu hồi và vận chuyển sản phẩm thải bỏ được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận;

c) Có trang thiết bị, biện pháp kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường tại các điểm thu hồi;

d) Có phương tiện, thiết bị chuyên dụng để thu hồi và vận chuyển sản phẩm thải bỏ;

đ) Có cán bộ kỹ thuật chuyên trách về hoạt động thu hồi và vận chuyển sản phẩm thải bỏ.

4. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu được liên kết với các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu khác để cùng thực hiện thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

5. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu được hợp đồng với cơ sở thu gom và xử lý có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật để thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HỒI VÀ XỬ LÝ SẢN PHẨM THẢI BỎ

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm thải bỏ, thời điểm thu hồi và xử lý được ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết Quyết định này.

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hoạt động thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

4. Thiết lập, quản lý dữ liệu về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

Các Bộ, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng văn bản hướng dẫn, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng tham gia vào hoạt động thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu thiết lập điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ tại các địa điểm phù hợp trên địa bàn.

3. Thực hiện quản lý sản phẩm thải bỏ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2013.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC SẢN PHẨM THẢI BỎ, THỜI ĐIỂM THU HỒI VÀ XỬ LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2013/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục sản phẩm thải bỏ	Thời điểm thu hồi và xử lý	Ghi chú
I	**ẮC QUY VÀ PIN**		
1	Ắc quy các loại	01/01/2015	
2	Pin các loại	01/01/2015	
II	**THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ, ĐIỆN DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**		
1	Bóng đèn compact; bóng đèn huỳnh quang	01/01/2015	
2	Máy vi tính (để bàn; xách tay); màn hình máy vi tính; cục CPU (bộ vi xử lý của máy tính)	01/01/2015	
3	Máy in; máy fax; máy quét hình (scanner)	01/01/2015	
4	Máy chụp ảnh; máy quay phim	01/01/2015	
5	Máy điện thoại di động; máy tính bảng	01/01/2015	
6	Đầu đĩa DVD; VCD; CD và các loại đầu đọc băng, đĩa khác	01/01/2015	
7	Máy sao chụp giấy (photocopier)	01/01/2016	
8	Ti vi; tủ lạnh	01/01/2016	
9	Máy điều hòa nhiệt độ; máy giặt	01/01/2016	
III	**HÓA CHẤT SỬ DỤNG TRONG CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ THUỐC SỬ DỤNG CHO NGƯỜI**		
1	Hóa chất công nghiệp nguy hiểm	01/01/2015	Chỉ phải thu hồi và xử lý sản phẩm đã hết thời hạn sử dụng
2	Hóa chất, sản phẩm hóa chất sử dụng trong thú y	01/01/2015	
3	Hóa chất, sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật	01/01/2015	
4	Hóa chất, sản phẩm hóa chất sử dụng trong ngành thủy sản	01/01/2015	
5	Thuốc sử dụng cho người	01/01/2015	
IV	**DẦU NHỚT, MỠ BÔI TRƠN**		
1	Dầu nhớt	01/01/2015	
V	**SĂM, LỐP**		
1	Săm các loại	01/01/2016	
2	Lốp các loại	01/01/2016	
VI	**PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG**		
1	Xe mô tô, xe gắn máy các loại	01/01/2018	
2	Xe ôtô các loại	01/01/2018	